TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/7/2024
Về vụ: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Trình và ông Nguyễn Xuân Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về *"tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981; trú tại: Thôn PH, xã HH, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Dương Quan T1**, sinh năm 1983; trú tại: Thôn QH, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Dương Quan T1 kết hôn tự nguyện vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do ông Trưởng không chú tâm làm ăn mà ham mê cờ bạc gây nợ nần, năm 2018 bà T đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau khi Tòa hòa giải, bà T rút đơn cho ông T1 cơ hội nhưng sau đó ông T1 không thay đổi, vẫn tính nào tật nấy. Tết năm 2024, ông T1 tiếp tục chơi cờ bạc gây nợ nần và bỏ nhà đi, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đó đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì nhau. Nay bà T không thể chấp nhận người chồng như ông T1, không thể quay lại sống chung với ông T1 nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 03 con chung, gồm Dương Thị Trà M,

sinh ngày 12/01/2006, Dương Bảo T2, sinh ngày 21/6/2008 và Dương Bảo T3, sinh ngày 01/4/2014. Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung từ khi ông T1 bỏ đi đến nay. Nay vợ chồng ly hôn, đối với Dương Thị Trà M đã trưởng thành, có khả năng tự lập nên không yêu cầu giải quyết, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung còn lại, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản khác cho ông Dương Quan T1 nhưng ông T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân huyện PH không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu trước đây có tại hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông T1; Về con chung: Hiện nay do bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con chung Dương Bảo T2 và Dương Bảo T3 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét. Đối với Dương Thị Trà M đã trưởng thành, có khả năng tự lao động bà T không yêu cầu nên đề nghị không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Dương Quan T1 và bị đơn có nơi cư trú tại xã HT, huyện PH. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Dương Quan T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã HT theo Giấy chứng nhận kết hôn số 263 ngày 19/01/2006 nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T1 không chăm lo cho gia đình mà đam mê cờ bạc, gây nợ nần nhiều lần và bỏ nhà đi, vợ chồng không còn sống chung với nhau; Theo kết quả xác minh ngày 06/6/2024 thì xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do ông T1 chơi cờ bạc, gây nợ nần là đúng; gia đình đã thông báo cho ông T1 biết việc bà T đang yêu cầu giải quyết ly hôn với ông tại Tòa án, tuy nhiên ông T1 không có ý kiến trình bày gửi về Tòa án, không có biện pháp gì để duy trì hôn nhân với bà T và để mặc cho Tòa án giải quyết; Ngoài ra, theo hồ sơ của Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 36 ngày 15/6/2018 thì bà T đã rút đơn yêu cầu ly hôn để ông T1 thay đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay mẫu thuẫn không được khắc phục mà càng trầm trọng hơn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Dương Quan T1 không còn hạnh phúc, không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Dương Quan T1.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa bà Nguyễn Thị T và ông Dương Quan T1 có 03 con chung tên: Dương Thị Trà M, sinh ngày 12/01/2006, Dương Bảo T2, sinh ngày 21/6/2008 và Dương Bảo T3, sinh ngày 01/4/2014. Từ khi vợ chồng không sống chung với nhau, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và được gia đình ông T1 xác nhận. Xét nguyện vọng của các con, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà T và để ổn định cuộc sống của con chung, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con chung: Dương Bảo T2 và Dương Bảo T3 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đối với Dương Thị Trà M đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, bà T không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T đã được giải thích quy định pháp luật về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. *Quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Dương Quan T1.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Dương Bảo T2, sinh ngày 21/6/2008 và Dương Bảo T3, sinh ngày 01/4/2014 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Dương Quan T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với Dương Thị Trà M đã trưởng thành, có khả năng tự lao động bà T không yêu cầu xem xét giải quyết.

Ông Dương Quan T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại phiếu thu số 0010375 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên nên bà T đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- UBND xã HT (Số 263 ngày 19/01/2006);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Trần Minh Nhật